TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:33 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2022.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân*:

1.Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa*: Ông Đào Việt Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2022/ HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị X, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Xóm (nay là tổ dân phố) L, xã (nay là phường) NT, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Trần Việt C, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Xóm (nay là tổ dân phố) L, xã (nay là phường) NT, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị X có mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị X trình bày: Chị và anh Trần Việt C tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 3 năm 2009. Có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là phường) NT vào ngày 19/3/2008. Sau khi kết hôn chị X và anh C chung sống cùng

nhau tại xã (nay là phường) NT cùng mẹ anh C. Tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C chơi bời, nợ nần. Chị khuyên can nhiều nhưng anh không nghe, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi nói nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng căng thẳng và không có hạnh phúc.Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là: Trần Hà L, sinh ngày 04/3/2009 và Trần Mạnh D, sinh 20/01/2011. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị, nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang đi làm tại Công ty Tuấn Vấn ở Phổ Yên, thu nhập bình quân mỗi tháng được khoảng từ 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng. Chị đảm bảo được cuộc sống của các con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung, các khoản cho vay: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có nợ chung, các khoản cho vay chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Việt C vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh C, trực tiếp gọi điện cho anh C, anh C nghe và hẹn đến Toà án để nhận các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh C không đến. Toà án đã phải đến gia đình anh C để tống đạt văn bản tố tụng nhưng anh C đóng cửa, Toà án đã tiến hành giao các thông báo, văn bản tố tụng qua ông trưởng xóm, ông trưởng xóm nhận và cam đoan sẽ giao tận tay cho anh C các văn bản tố tụng của Toà án. Toà án cũng thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh với Công an phường NT xác định được: Anh Trần Việt C là chủ hộ, trong hộ gồm có: Chị Tạ Thị X, sinh năm 1984 (là vợ); Trần Hà L, sinh 04/3/2009 (là con); Trần Mạnh D, sinh ngày 20/01/2011 (là con) và bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1960 (là mẹ đẻ) Những thành viên trong hộ không khai báo tạm vắng, không chuyển khẩu đi đâu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Được thực hiện đúng trình tự,

thủ tục tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra quyết định với các nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị X được ly hôn với anh Trần Việt C. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là Trần Hà L, sinh ngày 04/3/2009 và Trần Mạnh D, sinh 20/01/2011.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C cho đến khi chị X có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị X xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết; về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng - Thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 16/3/2022 chị X nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, cùng ngày Tòa án thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa nguyên đơn chị Tạ Thị X và bị đơn là anh Trần Việt C. Anh C hiện có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xóm (nay là tổ dân phố) L, xã (nay là phường) NT, thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Về việc không tiến hành hòa giải được và sự vắng mặt của bị đơn anh Trần Việt C tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, sau khi thụ lý vụ án Toà án đã điện thoại trực tiếp cho anh C để báo anh C đến Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên để làm việc và nhận thông báo thụ lý vụ án. Anh C hẹn đến nhưng sau đó không thực hiện. Toà án đã về địa phương và đến gia đình anh C để tống đạt văn bản tố tụng cho anh C. Tuy nhiên anh C đóng cửa, Toà án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho ông trưởng xóm Lò, ông trưởng xóm nhận và cam đoan sẽ giao tân tay cho anh C. Toà án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh C vẫn không đến Toà án để làm việc. Chị X đã có đơn đề nghị không tiến hành phiên hoà giải và đề nghị đưa vụ án ra xét theo quy định của pháp luật. Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương xác định được anh

C vẫn có hộ khẩu ở địa phương, không khai báo tạm vắng, không chuyển khẩu đi đâu và vẫn có mặt tại địa phương. Như vậy là anh C cố tình không hợp tác, không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Phía chị X có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải và đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được là phù hợp với quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa và tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên toà lần thứ nhất anh C vắng mặt Toà án phải hoãn phiên toà và tiếp tục tống niêm yết Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai anh C vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự không tôn trọng hôn nhân của anh chị cũng như không chấp hành pháp luật. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật và cũng để bảo vệ quyền lợi cho chị X.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị X và anh Trần Việt C kết hôn với nhau từ tháng 3/2008, có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là phường) Nam Tiến vào ngày 19/3/2008 là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị X xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên có nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh C.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X thì thấy: Hạnh phúc vợ chồng chỉ thật sự đạt được khi cả vợ lẫn chồng cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Thế nhưng đối với vợ chồng anh chị thì không làm được điều đó. Bản thân anh C là người chồng, người trụ cột trong gia đình nhưng không làm chỗ dựa về tinh thần cho chị X mà ngược lại anh lại làm cho chị X thấy mình bị tổn thương, mệt mỏi, căng thẳng vì phải gánh vác nhiều công việc trong gia đình, thể hiện từ năm 2019 đến nay anh không tu chí làm ăn, dẫn đến nợ nần, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh không nghe và vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, một mình chị phải nuôi dạy cả hai con. Quá trình giải quyết vụ án anh đã được Toà án thông báo qua điện thoại và đề nghị đến phiên toà để nhận các văn bản tố tụng và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, tuy nhiên sau đó anh không đến, Toà án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh C theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh C vẫn không đến Toà án để trình bày quan điểm. Điều này thể hiện anh C vừa coi thường pháp luật, vừa không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị, thể hiện anh không còn thiện chí thật sự để xây dựng hạnh phúc gia đình với chị X nữa mà chỉ để gây khó khăn kéo dài vụ án. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51,56 của Luật hôn

nhân và gia đình xử cho chị X được ly hôn với anh C là đúng quy định của pháp luật.

[4.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có hai con chung là: Trần Hà L, sinh ngày 04/3/2009 và Trần Mạnh D, sinh 20/01/2011. Hiện nay cả hai con đang ở cùng chị X, nay ly hôn chị X có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang đi làm tại Công ty Tuấn Vấn ở Phổ Yên, thu nhập bình quân mỗi tháng được khoảng từ 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng, chị có tài liệu để chứng minh thu nhập thể hiện qua việc in sao kê lương đã nộp cho Toà án, chị cam đoan đảm bảo được cuộc sống của các con. Qua bản trình bày nguyện vọng thì cả cháu Linh và cháu Dũng đều có nguyện vọng muốn ở với chị X. Phía Anh C không tham gia tố tụng nên không có quan điểm gì. Xét thấy chị Xuyên có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện nuôi được cả hai con, nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi cả hai con chung của chị X. Chị X nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của chị X, nên cầm tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi chị X có yêu cầu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3].Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị X xác định trong quá trình chung sống chị và C không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì, nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn, chị Tạ Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 227, 486 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của chị Tạ Thị X đối với anh Trần Việt C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị X được ly hôn với anh Trần Việt C.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần Hà L, sinh ngày 04/3/2009 và Trần Mạnh D, sinh 20/01/2011 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh C được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị X nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh C cho đến khi chị X có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung,các khoản cho vay chung: Chị X xác định trong quá trình chung sống chị và C không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Tạ Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002072 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị X báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các Đương sự*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND thành phố Phổ Yên;*
- *THADS thành phố Phổ Yên;*
- *Cổng thông tin điện tử TANDTC;*
- *UBND phường NT;*
- *Lưu VP, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)

Hà Thị Thu Thuỷ